TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:69/2020/HS-ST
Ngày 20- 7-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩn phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Dũng

2. Bà Vương Thị Hồng

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Xuân Giáp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:Ông Nguyễn Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20tháng 7năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số67/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2020/QĐXX - ST, ngày 09 tháng 7năm 2020đối với bị cáo:

Nguyễn Đình T, tên gọi khác: không, sinh ngày11 tháng 10 năm 1993 tại huyện Y Th, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm V Ph, xã V Th, huyện Y Th, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 9/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Đình B và bà Ngô Thị T; Bị cáo có vợ Tạ Thị M (đã ly hôn) và 01con;Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày24 tháng 4 năm 2020 cho đến nay- Có mặt.

-Ng□ời bị hại:

1. Anh Trần Hữu Ng, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: xóm V S, xã V Th, huyện Y Th, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Anh Hồ Đình Ng, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: xóm 7, xã Tr S, huyện H S, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Người làm chứng:

1. Anh Đậu Hoàng H, sinh năm 1983;

Nơi cư trú:xã xóm Ph Th, xã D Ph, huyện D Ch, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1989;

Nơi cư trú:xóm V S, xã V Th, huyện Y Th, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1987;
Nơi cư trú:xóm V S, xã V Th, huyện Y Th, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáctàiliệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2019, Nguyễn Đình T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức thuê SIM điện thoại số đẹp qua các trang mạng. Sau khi thuê được SIM số đẹp thì T rao bán cho người quen hoặc đăng bán SIM lên các tài khoản mạng xã hội Facebook giả mạo do T lập ra trước đó với nhiều tên gọi khác nhau như T Ng, Tuấn Tr, Lòng ng… T lấy hình ảnh của người khác làm ảnh đại diện rồi kết bạn với nhiều người, đồng thời tham gia nhiều nhóm bán hàng online, chợ online trên Facebook, đặc biệt là những hội nhóm mua bán SIM số đẹp rồi đăng bài rao bán. Khi người bị hại liên hệ thỏa thuận giao dịch mua SIM và chuyển tiền đặt cọc trước cho T thì T sẽ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu và giao SIM cho họ. Tuy nhiên, do không phải là chủ sở hữu của SIM nên T không chuyển quyền sở hữu SIM được và chiếm đoạt số tiền đặt cọc của người bị hại để sử dụng vào mục đích cá nhân. Bằng thủ đoạn nêu trên, Nguyễn Đình T đã thực hiện 02 hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 9 năm 2019, sau khi thuê được SIM điện thoại Viettel có số thuê bao 086.88.99999 với giá 10.000.000 đồng/tháng qua một người trên mạng xã hội không quen biết, T sử dụng tài khoản Facebook "Tuấn tr" đăng quảng cáo bán SIM lên nhóm Facebook "Chợ SIM 24h". Do có nhu cầu mua SIM số đẹp để sử dụng nên anh Trần Hữu Ng (Sinh năm 1983, trú tại xóm V S, xã V Th, huyện Y Th, tỉnh Nghệ An) đã liên hệ với tài khoản Facebook "Tuấn Tr" và "Tuấn Ng" của Nguyễn Đình T để liên hệ mua SIM. Hai bên thỏa thuận mua bán SIM điện thoại Viettel số 086.88.99999 với giá 75.000.000 đồng, anh Ng đặt cọc cho T 2.500.000 đồng tại một quán bia thuộc xã V Th, huyện Y Th, tỉnh Nghệ An. Đến ngày 11/10/2019, T đến trang trại của anh Ng ở xóm V S, xã V Th, huyện Y Th, tại đây anh Ng đã chuyển tiếp cho T 40.000.000 đồng. T viết giấy nhận tiền, giao SIM điện thoại Viettel số 086.88.99999 cho anh Ng sử dụng và hẹn 02 ngày sau sẽ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho anh Ng. Đến hẹn mà không thấy T làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, anh Ng hỏi thì T yêu cầu anh Ng chuyển đủ số tiền 75.000.000 đồng thì T mới làm thủ tục chuyển quyền sở hữu được. Khoảng 11 giờ ngày 15 tháng 10 năm 2019, anh Trần Hữu Ng đi công việc tại xã Ng V, huyện Ng L, tỉnh Nghệ An thì gặp chị Nguyễn Thị Thanh H (Sinh năm 1987, trú tại xóm V S, xã V Th, huyện Y Th). Do quen biết nên anh Ng đã nhờ chị H chuyển tiền từ tài khoản Viettel Pay của chị H đến tài khoản Viettel Pay: 9704.2292.5918.0227 (Đăng ký bằng số điện thoại: 0385.638.704) của Nguyễn Đình T số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 18/10/2019, theo

yêu cầu chuyển tiền của T, anh Ng tiếp tục nhờ chị Nguyễn Thị Nh (Sinh năm 1989, trú tại xóm V S, xã V T, huyện Y Th) chuyển tiền từ tài khoản 51270000657009 - Ngân hàng BIDV của chị Nh đến tài khoản 790202.1292.4018 - Ngân hàng Techcombank của anh Đậu Hoàng H (Sinh năm 1983, trú tại xóm Ph Th, xã D Ph, huyện D Ch, tỉnh Nghệ An) số tiền 12.000.000 đồng. Trong các ngày 26, 27/10/2019, anh Ng tiếp tục nhờ chị Nguyễn Thị Thanh H chuyển tiền đến số tài khoản Viettel Pay 9704.2292.5918.0227 của Nguyễn Đình T 03 lần với số tiền chuyển lần lượt là 1.000.000 đồng, 3.000.000 đồng, 7.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà anh Ng đã chuyển cho T là 75.500.000 đồng. Tuy nhiên do không phải là chủ sở hữu của SIM nên T không làm thủ tục chuyển quyền sở hữu SIM được, số tiền T nhận từ anh Ng đã được T sử dụng để trả tiền thuê SIM và tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 9/2019, Nguyễn Đình T quen biết với Hồ Đình Ng (Sinh năm 1987, trú tại xóm 7, xã S Tr, huyện H S, tỉnh Hà Tĩnh) và có lưu số điện thoại của nhau. Sau đó, T liên lạc với Ng và rao bán SIM điện thoại có số thuê bao 0989.888.999 với giá 20.000.000 đồng. Số SIM này T có được do mua trả góp và không phải là SIM điện thoại T đăng ký chủ sở hữu. Do có nhu cầu sử dụng SIM điện thoại số đẹp nên anh Ng đồng ý mua SIM 0989.888.999 với giá 20.000.000 đồng và chuyển đặt cọc trước số tiền 2.000.000 đồng cho T (Biên lai gửi tiền và số tài khoản nhận tiền anh Ng đã làm thất lạc và không nhớ cụ thể). Sau khi nhận số tiền đặt cọc, T không giao SIM điện thoại có số thuê bao 0989.888.999 cho anh Ng, cắt đứt liên lạc với anh Ng và đã sử dụng số tiền đặt cọc để tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, Nguyễn Đình T đến Công an huyện Nghi Lộc đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 70/VKS - HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đình T về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại điểm c khoản 2 Điều 174của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm ckhoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51củaBộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 30 đến 36tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 2.000.000 đồng cho anh Hồ Đình Ng.

Về vật chứng:Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu và tiêu hủy01 (một) SIM điện thoại Viettel có số Seria: 8984.04800.00567.92552; 01 (Một) thẻ SIM điện thoại Viettel có số seria 898.4048.0000.737.98150; 01 (Một) thẻ SIM Vinaphone có số seria: 898.402.000.107.757.31045và 01 (Một) thẻ ATM ngân hàng ACB có số thẻ

4200.0300.0129.7214 mang tên Nguyễn Đình T. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

Trả lại cho bị cáo 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đình T.

Bị cáo Nguyễn Đình T đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An và không tranh luận gì.

Bị hại có mặt tại phiên tòa nhất trí nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và cũng không tranh luận gì đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ân hận với việc làm của mình mong những người bị hại tha thứ cho bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, khung hình phạt:

Tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Với phương thức, thủ đoạn thuê SIM điện thoại số đẹp, sau đó rao bán cho người quen hoặc đăng bán SIM lên các tài khoản mạng xã hội Facebook giả mạo do mình lập ra để thỏa thuận mua bán SIM, yêu cầu người mua chuyển tiền đặt cọc trước, sau đó cắt liên lạc để chiếm đoạt. Khoảng tháng 9/2019, Nguyễn Đình T đã thực hiện 02 hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Bị cáo đã sử dụng SIM điện thoại Viettel có số thuê bao 086.88.99999 (Thuê của người khác) để bán cho anh Trần Hữu Ng với giá 75.000.000 đồng, anh Ng đã nhiều lần chuyển tiền đặt cọc và chuyển hết số tiền mua SIM cho T với tổng số tiền là 75.500.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng) nhưng do T không phải là chủ sở hữu của SIM nên không làm thủ tục chuyển quyền sở hữu được và T đã chiếm đoạt số tiền 75.500.000 đồng để tiêu xài cá nhân; Bị cáo đã sử dụng SIM điện thoại có số thuê bao 0989.888.999 bán cho anh Hồ Đình Ng với giá 20.000.000 đồng, sau khi nhận số tiền đặt cọc 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) từ anh Ng, T không giao SIM cho anh Ng, cắt đứt liên lạc và

chiếm đoạt, sử dụng số tiền đặt cọc trên để tiêu xài cá nhân hết. Tổng số tiền mà bị cáo T chiếm đoạt của 02lần với tổng số tiền là 77.500.000 đồng (bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo đã bằng thủ đoạn gian dối là dùng mạng xã hội để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người bị hại với tổng số tiền là 77.500.000 đồng là tình tiết định khung hình phạt. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]Về hình phạt chính: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Đặc biệt trong tình hình hiện nay, Đảng và Nhà nước đang quan tâm lo lắng đến các tệ nạn lừa đảo của các thanh thiếu niên ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác, lợi dụng những người bị hại nhẹ dả cả tin, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối đó là mình có số sim điện thoại đẹp bán cho những người bị hại qua mạng xã hội để lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác với mục đích lấy tiền tiêu xài cà nhân. Do đó phải xử lý nghiêm, có hình phạt phùhợp nhằm cải tạo bị cáo và giáo dục chung cho toàn xã hội.Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo T 45 ngày sau khi tuyên án sơ thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án.Tuy nhiên, cũng cần xem xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải (điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự); Sau khi phạm tội bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên ngày 24 tháng 4 năm 2020 bị cáo đến Công an huyện Nghi Lộc để đầu thú; những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại là anh Trần Hữu Ng yêu cầu Nguyễn Đình T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 75.500.000 đồng.

- Anh Hồ Đình Ng vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra anh Ng yêu cầu Nguyễn Đình T bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bối thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt cho anh Ng và anh Ng theo yêu cầu của bị. Xét, sự thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Đình T và người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để ghi nhận sự tự nguyện của các bên.

[5] Về hình phạt bổ sung:Theo quy định tại khoản 5 Điều 174của Bộ luật hình sự qui định" ..... người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến100.000.000 triệu đồng,...", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh

tế gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:Đối với 01 chứng minh thư nhân dân 187121120 mang tên Nguyên Đình T là vật không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo. (đang kèm theo hồ sơ vụ án);

Đối với 01 (một) SIM điện thoại Viettel có số Seria: 8984.04800.00567.92552; 01 (Một) thẻ SIM điện thoại Viettel có số seria 898.4048.0000.737.98150; 01 (Một) thẻ SIM Vinaphone có số seria: 898.402.000.107.757.31045 và 01 (Một) thẻ ATM ngân hàng ACB có số thẻ 4200.0300.0129.7214 mang tên Nguyễn Đình T là công cụ, phương tiện mà bị cáo đã dùng để thực hiện hành vi phạm tội không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Các vấn đề khác:Trong vụ án này, Nguyễn Thị Thanh H, Nguyễn Thị Nh, Đậu Hoàng H có sử dụng tài khoản ngân hàng của mình để tham gia vào các giao dịch chuyển, nhận tiền, tuy nhiên những người này không biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Đình T nên không có căn cứ xử lý. Đối với những người đã bán, cho thuê SIM điện thoại, sau đó T dùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hiện chưa xác minh được tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên được tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm ckhoản 2 Điều 174; Điểm g, khoản 1 Điều 52; Điểm skhoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội " Lừa đảo chiếmđoạt tài sản".

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Đình T 03 (Ba) nămtù.Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 24 tháng 4 năm 2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự ghi nhận sự thỏa thuận của các bên: Bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường cho anh Trần Hữu Ng số tiền là 75.500.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng; Bồi thường cho anh Hồ Đình Ng số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu không thi hành án, nếu không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất đối với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về vật chứng: Áp dung Điều 47 của Bộ luật hình sự vàĐiều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy01 (một) SIM điện thoại Viettel có số Seria: 8984.04800.00567.92552; 01 (Một) thẻ SIM điện thoại Viettel có số seria

898.4048.0000.737.98150;01 (Một) thẻ SIM Vinaphone có số seria: 898.402.000.107.757.31045 và 01 (Một) thẻ ATM ngân hàng ACB có số thẻ 4200.0300.0129.7214 mang tên Nguyễn Đình T. Hiện vật chứng trên đang được tạm giữ tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Nghi Lộc với Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc vào ngày 15 tháng 7 năm 2020;Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân số 187121120 mang tên Nguyên Đình T.

Về án phí:áp dụngkhoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ Luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa ánbuộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.875.000 đồng án phí dân trong hình sự.

Về quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;người bị hại vắng mặtcó quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Công an huyện Nghi Lộc;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- THA dân sự, THA hình sự;
- Lưu hs